



**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Địa chỉ: Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội  
Mã số DN: 0100106440

Số: ~~632~~/2018/LICOGI-CBTT

(V/v CBTT Báo cáo tài chính hợp nhất quý III năm 2018 của Tổng công ty LICOGI-CTCP)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2018

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Digitally signed by TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP  
DN: c=VN, st=HÀ NỘI, l=Thanh Xuân, cn=TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP, o.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0100106440  
Date: 2018.10.30 16:01:27 +07'00'

**Kính gửi:**

**Ủy ban chứng khoán Nhà nước  
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội**

Công ty:

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Địa chỉ trụ sở chính:

nhà G1, số 491 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Điện thoại:

043 8542 365

Fax:

043 8542 655

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Phan Thanh Hải

Địa chỉ: nhà G1, số 491 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 0905955896

Loại thông tin công bố:  24 giờ  72 giờ  bất thường  theo yêu cầu  
 định kỳ

**Nội dung thông tin công bố:**

Tổng công ty LICOGI-CTCP công bố thông tin Báo cáo Tài chính hợp nhất quý III năm 2018 của Tổng công ty LICOGI-CTCP.

*(Có Báo cáo Tài chính kèm theo).*

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty vào ngày 30/10/2018 tại đường dẫn: <http://www.licogi.com.vn/>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Nơi nhận:**

- Như đề gửi;
- HĐQT, BKS (để b/c);
- Ban TGD (để biết);
- Lưu VP HĐQT.

**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN  
TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY LICOGI-CTCP**



**Phan Thanh Hải**

CV số: 693/LC.V...LICOGI

V/v: Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế  
thu nhập doanh nghiệp quý III năm 2018

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2018

**Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Thực hiện Thông tư số 155/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Tổng công ty LICOGI-CTCP giải trình kết quả kinh doanh của Báo cáo tài chính hợp nhất quý III năm 2018 như sau:

Nội dung	Quý III năm 2018	Quý III năm 2017	Biến động (%)
	( Triệu đồng )	( Triệu đồng )	
Doanh thu hoạt động kinh doanh và doanh thu hoạt động tài chính	647,214	618,595	5%
Tổng chi phí	587,483	607,020	-3%
Thu nhập khác	2,836	4,776	-41%
Chi phí khác	9,216	9,077	2%
Lợi nhuận trước thuế	53,351	7,274	633%
Thuế TNDN	2,825	178	1487%
Lợi nhuận sau thuế	50,526	7,096	612%

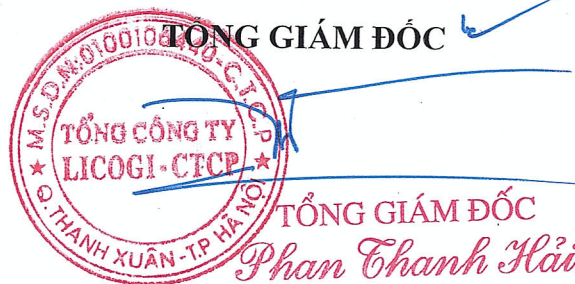
Lợi nhuận trên Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III năm 2018 tăng 43,430 tỷ đồng tương ứng tăng 612 % so với cùng kỳ năm 2017 chủ yếu do các nguyên nhân sau:

- Doanh thu hoạt động SXKD và doanh thu HĐTC tăng 5% chủ yếu do nhận cổ tức từ lợi nhuận đến thời điểm 31/3/2018 của Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng long.
- Tổng chi phí quý III năm 2018 giảm 3% so với quý III năm 2017. Do quý III năm 2018 hầu như không phát sinh các khoản trích lập dự phòng phải thu, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng đầu tư tài chính được hoàn nhập, các khoản chi phí duy trì các ban điều hành để quyết toán các dự án Thủy điện phát sinh ít do vậy chi phí giảm 19 tỷ đồng.

Trân trọng!

**Nơi nhận:**

- Như đề gửi;
- Lưu VPHĐQT, TCKT



**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**  
*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO KỲ HOẠT ĐỘNG**  
**TỪ NGÀY 01 THÁNG 07 NĂM 2018 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 09 NĂM 2018**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2018

**MẪU SỐ B 01-DN/HN**  
 Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	
		30/09/2018	01/01/2018
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>	<b>2,349,086,344,765</b>	<b>2,353,160,628,918</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>140,318,391,941</b>	<b>147,359,473,718</b>
1. Tiền	111	85,318,391,941	110,580,326,893
2. Các khoản tương đương tiền	112	55.000.000.000	36.779.146.825
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>1,630,000,000</b>	<b>20,330,000,000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	-	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	1,630,000,000	20,330,000,000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>1,411,230,457,891</b>	<b>1,418,188,829,640</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	1,066,415,929,542	1,092,703,252,986
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	316,585,184,782	252,180,144,308
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	-	-
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	14,351,590,010	15,353,740,010
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	362,506,045,728	410,585,903,684
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(348,628,292,171)	(352,634,211,348)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>752,134,276,390</b>	<b>738,008,607,940</b>
1. Hàng tồn kho	141	773,523,224,773	762,176,319,473
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	(21,388,948,383)	(24,167,711,533)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>43,773,218,543</b>	<b>29,273,717,620</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10,523,266,173	3,623,618,599
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	25,842,689,880	24,876,855,969
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	1,466,392,102	773.243.052
4. Tài sản ngắn hạn khác	155	5,940,870,388	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>	<b>2,079,220,115,212</b>	<b>2,023,529,432,354</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	<b>1,458,699,108</b>	<b>1,331,569,902</b>
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	1,458,699,108	1,331,569,902
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>456,317,738,280</b>	<b>491,160,241,651</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	428,745,556,859	463,561,442,424
- Nguyên giá	222	1,508,698,364,506	1,504,222,361,420
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(1,079,952,807,647)	(1,040,660,918,996)
3. Tài sản cố định vô hình	227	27,572,181,421	27,598,799,227
- Nguyên giá	228	29,335,455,521	29,335,455,521
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	(1,763.274.100)	(1,736.656.294)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>2,663,302,754</b>	<b>2,663,302,754</b>
- Nguyên giá	231	2,745,140,454	2,745,140,454
- Giá trị hao mòn lũy kế	232	(81,837,700)	(81,837,700)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>956,451,777,298</b>	<b>869,350,777,211</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	898,250,037,840	830,960,484,504
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	58,201,739,458	38,390,292,707
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>627,410,832,187</b>	<b>619,070,437,329</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	-	-
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	587,489,989,336	578,453,499,878
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	57,332,477,208	57,332,477,208
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	(17,411,634,357)	(16,715,539,757)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>34,917,765,585</b>	<b>39,953,103,507</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	34,667,765,585	39,953,103,507
4. Tài sản dài hạn khác	268	250,000,000	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>	<b>4,428,306,459,977</b>	<b>4,376,690,061,272</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2018

**MẪU SỐ B 01-DN/HN**  
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2018	
			30/09/2018	01/01/2018
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>3,967,616,278,292</b>	<b>3,940,034,289,885</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>3,397,661,871,595</b>	<b>3,605,058,204,409</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	884,028,052,262	846,530,627,473
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	272,819,065,010	438,474,808,936
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	164,595,671,107	173,559,823,949
4. Phải trả người lao động	314		62,216,647,305	73,492,230,602
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	187,752,932,103	186,080,282,607
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		12,553,220,652	7,774,053,343
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	205,019,447,100	454,330,938,311
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22	1,596,441,016,183	1,403,715,875,535
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		1,514,105,567	3,173,101,386
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		10,721,714,306	17,926,462,267
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>569,954,406,697</b>	<b>334,976,085,476</b>
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		3,955,910,441	1,633,991,983
3. Phải trả dài hạn khác	337	21	320,117,610,790	6,343,841,469
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22	237,811,671,607	318,968,590,350
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		2,330,891,006	2,291,338,821
4. Dự phòng phải trả dài hạn	342	24	5,738,322,853	5,738,322,853
5. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>460,690,181,685</b>	<b>436,655,771,387</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>25</b>	<b>460,690,181,685</b>	<b>436,655,771,387</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		900,000,000,000	900,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		117,558,651	10,121,718,651
4. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(88,761,733,948)	(98,765,815,809)
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		75,629,153,806	67,747,616,740
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2,404,499,845	2,083,295,470
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(528,602,566,488)	(533,698,205,248)
8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		99,903,269,819	89,167,161,583
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>4,428,306,459,977</b>	<b>4,376,690,061,272</b>



Người lập biểu

Ngày 30 tháng 10 năm 2018

  
 Kế toán trưởng



Tổng Giám đốc

  
 Phan Thanh Hải

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Quý III năm 2018

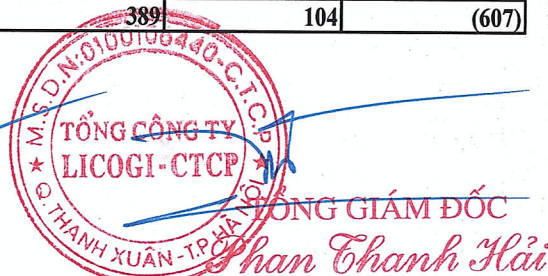
**MẪU SỐ B 02-DN/HN**  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
			Quý III	Lũy kế năm	Quý III	Lũy kế năm
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	592,709,668,814	1,819,096,858,123	614,071,631,407	1,817,152,738,695
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	0	48,304,789	148,443,000	318,835,505
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	27	592,709,668,814	1,819,048,553,334	613,923,188,407	1,816,833,903,190
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	28	516,283,332,766	1,597,737,851,197	566,361,906,612	1,634,156,352,115
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		76,426,336,048	221,310,702,137	47,561,281,795	182,677,551,075
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	54,504,615,630	134,243,077,840	4,523,773,012	101,712,614,683
7. Chi phí tài chính	22	31	32,772,761,625	102,159,033,583	38,637,260,783	113,078,845,281
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		37,044,332,389	104,969,659,448	38,154,846,417	150,561,124,367
8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		15,567,070,756	2,704,770,232	47,455,187,007	(27,434,928,268)
9. Chi phí bán hàng	25	32	9,055,881,154	31,422,025,550	11,765,863,367	36,508,356,293
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	44,938,302,847	142,374,142,059	37,561,540,867	152,880,064,663
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		59,731,076,808	82,303,349,017	11,575,576,797	(45,512,028,747)
12. Thu nhập khác	31		2,836,093,483	10,751,098,193	4,776,550,470	23,278,410,385
13. Chi phí khác	32		9,215,953,544	29,811,032,915	9,077,304,149	21,452,196,384
14. (Lỗ) khác (40=31-32)	40	33	(6,379,860,061)	(19,059,934,722)	(4,300,753,679)	1,826,214,001
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		53,351,216,747	63,243,414,295	7,274,823,118	(43,685,814,746)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	34	2,785,773,258	6,626,929,713	163,204,439	2,707,029,238
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		39,552,186	39,552,186	14,842,609	49,922,797
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		50,525,891,303	56,576,932,396	7,096,776,070	(46,442,766,781)
18.1. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		43,546,881,770	35,014,912,926	9,336,563,965	(54,646,300,653)
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		6,979,009,533	21,562,019,470	(2,239,787,895)	8,203,533,862
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	484	389	104	(607)



Người lập biểu  
 Ngày tháng năm 2018

Kế toán trưởng



Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Ngày 30 tháng 9 năm 2018

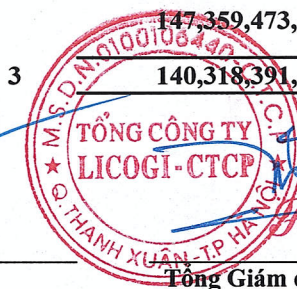
**MẪU SỐ B 03-DN/HN**  
 Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	9 tháng năm 2018 VND	9 tháng năm 2017 VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		63,243,414,295	(43,685,814,745)
	6. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		55,009,275,016	70,201,068,709
03	- Các khoản dự phòng		(6,784,682,327)	49,586,608,869
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(134,243,077,840)	(76,502,850,098)
06	- Chi phí lãi vay		104,969,659,448	150,561,124,367
08	13. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		82,194,588,592	150,160,137,102
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		4,203,142,282	(433,353,815,908)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(78,636,458,636)	(134,757,724,233)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay)		(21,157,730,635)	283,955,603,933
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(1,614,309,652)	790,113,770
14	- Tiền lãi vay đã trả		(96,785,799,347)	(149,660,148,745)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(15,732,749,382)	(5,835,830,952)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1,265,756,457	2,650,108,779
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(15,136,681,673)	
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(141,400,241,994)	(286,051,556,254)
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(44,722,463,843)	(12,680,910,199)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		1,456,085,625	2,904,771,232
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị		(150,600,000,000)	(90,524,000,000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		120,802,281,640	16,294,000,000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(28,328,596,000)	
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	500,000,000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		134,719,238,473	91,415,643,762
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		33,326,545,895	7,909,504,795
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	1. Tiền thu từ đi vay		1,901,913,507,374	1,728,709,886,677
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(1,790,345,285,469)	(1,572,990,528,494)
35	3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(10,535,607,583)	
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		101,032,614,322	155,719,358,183
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(7,041,081,777)	(122,422,693,276)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		147,359,473,718	202,516,339,998
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	140,318,391,941	80,093,646,722



Người lập biểu  
 Ngày 30 tháng 10 năm 2018

Kế toán trưởng



TỔNG GIÁM ĐỐC  
 Phan Thanh Hải

Tổng Giám đốc

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Công ty TNHH MTV (gọi tắt là "Tổng Công ty") tiền thân là Tổng Công ty Xây dựng nền móng và Kỹ thuật hạ tầng được thành lập theo Quyết định số 998/BXD - TCLĐ ngày 20 tháng 11 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng. Tổng Công ty chuyển đổi mô hình thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2243/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng.

Tổng Công ty đã chính thức hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần với tên gọi Tổng Công ty LICOGI - CTCP theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100106440 đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 31 tháng 12 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp với vốn điều lệ là 900.000.000.0000 đồng.

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại: Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- Thi công xây lắp: các công trình ngầm, các công trình thủy lợi (đê, đập, kênh mương, hồ chứa nước, hệ thống tưới tiêu, ống dẫn, trạm bơm), thủy điện, nhiệt điện, buro điện, cấp thoát nước, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến áp điện, thi công và xử lý nền móng các loại công trình, khoan nổ mìn (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);

- Thi công xây lắp: thi công xây lắp và tổng thầu thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông (đường bộ, cầu đường sắt, cầu đường bộ, sân bay, bến cảng, nhà ga, đường hầm);

- Nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ mới trong lĩnh vực xây dựng, tổ chức đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật chuyên ngành, giáo dục định hướng đưa lao động và chuyên gia Việt Nam đi làm có thời hạn ở nước ngoài;

- Kinh doanh vận tải đường thủy đường bộ;

- Sản xuất kinh doanh và kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm cơ khí, vật tư, máy móc thiết bị, nguyên nhiên liệu, các chủng loại vật liệu xây dựng, công nghệ xây dựng;

- Tư vấn đầu tư xây dựng bao gồm: quy hoạch, lập và thẩm định, dự án đầu tư xây dựng, khảo sát địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn, thiết kế, lập tổng dự toán các công trình xây dựng, quản lý dự án, giám sát kỹ thuật thi công, tư vấn đấu thầu và hợp đồng kinh tế về thiết kế, thi công, xây lắp, cung cấp vật tư thiết bị; thí nghiệm, kiểm định chất lượng công trình (không bao gồm tư vấn pháp luật);

- Đầu tư kinh doanh phát triển các dự án về nhà ở, khu đô thị, khu công nghiệp, đầu tư và kinh doanh phát triển hạ tầng kỹ thuật, đầu tư xây dựng các công trình điện và kinh doanh điện thương phẩm; đầu tư và kinh doanh phát triển hạ tầng kỹ thuật, đầu tư và kinh doanh dịch vụ văn phòng, khách sạn, nhà nghỉ, du lịch và dịch vụ vui chơi giải trí, quản lý và khai thác các dịch vụ tổng hợp tại các khu đô thị mới, khu dân cư tập trung.

Hoạt động chính của Tổng Công ty là thi công, xây lắp các công trình.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng ngoại trừ một số công trình đặc thù của hoạt động xây lắp, đầu tư bất động sản có thời gian trên 12 tháng.



**TỔNG CÔNG TY LICOGI – CTCP**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi

Phường Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 07 năm 2018

đến ngày 30 tháng 09 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Đặc điểm hoạt động của Tổng Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất**

Trong kỳ, Tổng Công ty đã tiến hành giải thể, sáp nhập hoặc chuyển một số đơn vị hạch toán trực thuộc thành công ty cổ phần. Chi tiết được trình bày ở phần “Cấu trúc doanh nghiệp” dưới đây.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Các đơn vị trực thuộc Tổng Công ty:

<b>Tên đơn vị</b>	<b>Địa chỉ</b>
Văn phòng Tổng Công ty	Nhà G1, Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội
Chi nhánh Licogi số 1	Nhà G1, Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội
Chi nhánh Sản xuất Vật liệu Xây dựng Licogi	Nhà G1, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, Tổng Công ty có 12 công ty con. Thông tin khái quát về các công ty con của Tổng Công ty như sau:

<b>Tên công ty</b>	<b>Nơi thành lập và hoạt động</b>	<b>Tỷ lệ lợi ích</b>	<b>Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ</b>	<b>Hoạt động chính</b>
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9	Đồng Nai	51.00%	51.00%	Thi công xây lắp
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10	Đà Nẵng	57.71%	57.71%	Thi công xây lắp
Công ty Cổ phần Licogi 15	Thanh Hóa	64.65%	64.65%	Thi công xây lắp
Công ty Cổ phần Licogi 17	Hải Dương	56.33%	56.33%	Thi công xây lắp
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	Hà Nội	92.58%	92.58%	Thi công xây lắp
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước	Hà Nội	89.92%	89.92%	Thi công xây lắp
Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi	Hà Nội	89.06%	89.06%	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm cơ khí
Công ty Cổ phần Đầu tư, Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đông Anh	Hà Nội	51.85%	51.85%	Sản xuất vật liệu xây dựng
Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	64.77%	64.77%	Thi công xây lắp
Công ty Cổ phần Tư vấn LICOGI	Hà Nội	60.00%	60.00%	Tư vấn đầu tư xây dựng
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	Quảng Ninh	100.00%	100.00%	Bất động sản, xây lắp
Công ty TNHH MTV nhà ở và đô thị Licogi	Hà Nội	100.00%	100.00%	Bất động sản, xây lắp

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2018, Tổng Công ty có 08 công ty liên doanh, liên kết. Thông tin khái quát về các công ty liên doanh, liên kết của Tổng Công ty như sau:

**TỔNG CÔNG TY LICOGI – CTCP**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi

Phường Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 07 năm 2018

đến ngày 30 tháng 09 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

<b>Tên công ty liên kết, liên doanh</b>	<b>Nơi thành lập và hoạt động</b>	<b>Tỷ lệ lợi ích</b>	<b>Tỷ lệ quyền biểu quyết</b>		<b>Hoạt động chính</b>
			<b>năm giữ</b>	<b></b>	
<b>Công ty liên kết</b>					
Công ty Cổ phần Licogi 14	Phú Thọ	26.42%	26.42%		Thi công xây lắp
Công ty Cổ phần Licogi 19	Hà Nội	22.62%	22.62%		Thi công xây lắp
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bình Long	Bình Phước	20.40%	40.00%		Sản xuất vật liệu xây dựng
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	Lào Cai	44.09%	44.09%		Sản xuất và kinh doanh điện
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 8	Hà Nội	23.63%	45.57%		Sản xuất vật liệu xây dựng
Công ty cổ phần gạch Phong Niên	Quảng Ngãi	25%	25%		Sản xuất gạch
<b>Công ty liên doanh</b>					
Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long	Hà Nội	37.41%	42.00%		Kinh doanh bất động sản
Công ty Liên doanh Sản xuất Vật liệu Xây dựng Hà Nam	Hà Nam	48.49%	75.01%		Sản xuất vật liệu xây dựng

**1. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH****Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính theo quy định hiện hành.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Số liệu đầu kỳ ngày 01/01/2018 là số liệu theo báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty AASC.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**2. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN****Hướng dẫn về chế độ kế toán doanh nghiệp**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 07 năm 2018 đến ngày 30 tháng 09 năm 2018.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và xử lý tài chính tại thời điểm chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần theo quy định hiện hành yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 07 năm 2018 đến ngày 30 tháng 09 năm 2018 và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 07 năm 2018 đến ngày 30 tháng 09 năm 2018. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Tổng Công ty với các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

**Góp vốn liên doanh**

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo* bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

**Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, các khoản vay và nợ thuê tài chính.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính****Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC, Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và các quy định kế toán hiện hành.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2018 đến ngày 30/09/2018
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	02 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 10
Tài sản cố định khác	03 - 10

Các tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty đã được đánh giá lại khi thực hiện cổ phần hóa. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tổng Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tổng Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về chi phí đi vay.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt

**TỔNG CÔNG TY LICOGI – CTCP**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi

Phường Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 07 năm 2018

đến ngày 30 tháng 09 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo* động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Tổng Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

	Kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2018 đến ngày 30/09/2018
	Số năm
Máy móc, thiết bị	06 - 15
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 10

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, lợi thế thương hiệu LICOGI, phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời gian được cấp, quyền sử dụng đất có thời hạn sử dụng lâu dài không phải trích khấu hao.

Lợi thế thương hiệu, phần mềm máy tính và các tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ hai (02) đến năm (05) năm.

Các tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty đã được đánh giá lại khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

**Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Bất động sản đầu tư là các căn hộ tại số 81/6 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh được mua chờ tăng giá để bán.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 30 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị và chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

**Các khoản trả trước**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước chủ yếu bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí sửa chữa lớn, lợi thế kinh doanh và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đã được trả trước. Tiền thuê trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí sửa chữa lớn được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng hai (02) năm.

Giá trị lợi thế kinh doanh phản ánh lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa của Công ty mẹ, Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh và Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước.

Khoản lợi thế kinh doanh này được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian 3 năm kể từ khi các đơn vị nêu trên chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Dự phòng bảo hành công trình xây lắp được trích lập theo tỷ lệ quy định tại hợp đồng xây dựng, trên doanh thu ghi nhận trong kỳ đối với các công trình đã hoàn thành, nghiệm thu bàn giao theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

**Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

Chi phí phải trả bao gồm các khoản chi phí lãi vay, các khoản chi phí phải trả cho công trình xây lắp và các khoản chi phí phải trả khác.

Chi phí lãi vay được ước tính dựa trên số tiền vay, thời hạn và lãi suất thực tế từng thời kỳ.

Chi phí phải trả cho công trình xây lắp là chi phí được trích trước phù hợp với doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận dựa trên biên bản nghiệm thu giá trị khối lượng hoàn thành giữa Tổng Công ty và khách hàng.

**Ghi nhận doanh thu****Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.